

Mã đề: 309

Họ và tên thí sinh:.....

Số báo danh:.....

Câu 41: Theo mục đích sử dụng, rừng nước ta được chia thành

- A. rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng thưa.
- B. rừng sản xuất, rừng tre nứa, rừng đặc dụng.
- C. rừng sản xuất, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng.
- D. rừng sản xuất, rừng phòng hộ, rừng rậm.

Câu 42: Nhiệt độ trung bình năm ở nước ta

- A. giảm dần từ Bắc vào Nam.
- B. tăng dần từ Bắc vào Nam.
- C. tăng giảm không theo quy luật.
- D. đồng đều trong cả năm.

Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, vùng Tây Nguyên, cho biết hồ Phú Ninh thuộc tỉnh nào?

- A. Quảng Nam.
- B. Gia Lai.
- C. Kon Tum.
- D. Quảng Ngãi.

Câu 44: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Đông Nam Bộ, vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết cây công nghiệp nào sau đây được trồng phổ biến ở Đông Nam Bộ?

- A. Dừa.
- B. Chè.
- C. Mía.
- D. Cao su.

Câu 45: Đặc điểm địa hình nổi bật của đồng bằng Nam Bộ nước ta là

- A. đường bờ biển khúc khuỷu.
- B. nhiều vũng, vịnh nước sâu.
- C. phổ biến cồn cát, đầm phá.
- D. thêm lục địa rộng, nông.

Câu 46: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp chung, cho biết lãnh thổ Việt Nam được quy hoạch thành bao nhiêu vùng nông nghiệp?

- A. 8
- B. 6
- C. 7
- D. 9

Câu 47: Phát biểu nào sau đây đúng về vùng núi Tây Bắc nước ta?

- A. Địa hình gồm bốn cánh cung núi lớn.
- B. Ở phía đông thung lũng sông Hồng.
- C. Hướng chủ yếu tây bắc - đông nam.
- D. Địa hình gồm các khối núi, cao nguyên.

Câu 48: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Dân số, cho biết tỉnh nào có mật độ dân số nhỏ nhất trong các tỉnh sau đây?

- A. Lai Châu.
- B. Khánh Hoà.
- C. Vĩnh Phúc.
- D. Thái Bình.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Kinh tế chung, cho biết trung tâm kinh tế nào sau đây thuộc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Nam Định.
- B. Hải Dương.
- C. Hải Phòng.
- D. Thái Nguyên.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Trung du miền núi Bắc Bộ, vùng Đồng bằng sông Hồng, cho biết khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy thuộc tỉnh nào của vùng Trung du miền núi Bắc Bộ?

- A. Cao Bằng.
- B. Hà Giang.
- C. Quảng Ninh.
- D. Lạng Sơn.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có giá trị sản xuất công nghiệp từ 40 đến 120 nghìn tỉ đồng?

- A. Cà Mau.
- B. Cần Thơ.
- C. Đà Nẵng.
- D. Biên Hòa.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết lưu lượng nước trung bình của sông Đà Rằng lớn nhất vào tháng nào sau đây?

- A. Tháng 8.
- B. Tháng 9.
- C. Tháng 12.
- D. Tháng 11.

Câu 53: Phát biểu nào sau đây **không** phải đặc điểm của giới sinh vật trong vùng biển nước ta?

- A. Chủ yếu là các loài di cư theo mùa.
- B. Năng suất sinh học cao.
- C. Tiêu biểu cho vùng nhiệt đới.
- D. Rất giàu về thành phần loài.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Thương mại, hãy cho biết nhóm hàng nào có giá trị xuất khẩu chiếm tỉ trọng cao nhất nước ta?

- A. Nguyên, nhiên, vật liệu. B. Công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp.
C. Công nghiệp nặng và khoáng sản. D. Nông, lâm sản.
- Câu 55:** Nước ta có nền nhiệt độ cao, chan hòa ánh nắng chủ yếu do
A. nằm hoàn toàn trong vùng nhiệt đới. B. chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của gió mùa.
C. hình dáng lãnh thổ hẹp ngang, kéo dài. D. địa hình đồi núi thấp, giáp biển Đông.
- Câu 56:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Địa chất khoáng sản, cho biết sắt đều có ở hai mỏ nào sau đây?
A. Vàng Danh, Cẩm Phả. B. Trấn Yên, Quỳnh Châu.
C. Trấn Yên, Văn Bàn. D. Vàng Danh, Văn Bàn.
- Câu 57:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết cảng nào sau đây là cảng biển?
A. Cảng Trà Vinh. B. Cảng Cần Thơ.
C. Cảng Kiên Lương. D. Cảng Mỹ Tho.
- Câu 58:** Thiên tai nào sau đây xảy ra bất thường và gây hậu quả rất nghiêm trọng ở miền núi nước ta?
A. Bão. B. Lũ quét. C. Ngập lụt. D. Động đất.
- Câu 59:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các nhóm và các loại đất chính, hãy cho biết loại đất nào sau đây phân bố nhiều dọc sông Tiền?
A. Đất cát biển. B. Đất feralit trên đá vôi.
C. Đất phù sa sông. D. Đất feralit trên đá badan.
- Câu 60:** Biện pháp phòng tránh bão có hiệu quả nhất ở nước ta hiện nay là
A. huy động sức người, sức của để chống bão.
B. dự báo chính xác cấp độ và hướng di chuyển.
C. củng cố hệ thống đê chắn sóng ven biển.
D. nhanh chóng khắc phục hậu quả của bão.
- Câu 61:** Cho bảng số liệu sau:

NHIỆT ĐỘ VÀ LƯỢNG MƯA TRUNG BÌNH CÁC THÁNG CỦA HÀ NỘI (TRẠM HÀ NỘI)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ ($^{\circ}\text{C}$)	16,4	17,0	20,2	23,7	27,3	28,8	28,9	28,2	27,2	24,6	21,4	18,2
Lượng mưa (mm)	18,6	26,2	43,8	90,1	188,5	230,9	288,2	318,0	265,4	130,7	43,4	23,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2021, NXB thống kê, 2022)

Theo bảng số liệu, để thể hiện diễn biến nhiệt độ và lượng mưa các tháng của Hà Nội, các dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp?

- A. Cột, miền, tròn. B. Tròn, miền, kết hợp.
C. Cột, đường, tròn. D. Đường, kết hợp, cột.
- Câu 62:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Hành chính, cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng về vị trí địa lí của một số đơn vị hành chính nước ta?
A. Cà Mau là tỉnh nằm xa nhất về phía nam. B. Hải Dương nằm ở phía nam vĩ tuyến 20°B .
C. Điện Biên nằm ở phía tây kinh tuyến 105°Đ . D. Thành phố Hồ Chí Minh giáp biển Đông.
- Câu 63:** Đặc điểm nào sau đây của địa hình nước ta tạo thuận lợi chủ yếu cho phát triển thủy điện?
A. Cấu trúc cổ được trẻ lại, phân bậc rõ theo độ cao.
B. Hướng núi chính tây bắc - đông nam, vòng cung.
C. Đồi núi thấp và đồng bằng chiếm nhiều diện tích.
D. Biểu hiện nhiệt đới ẩm gió mùa, bị cắt xẻ nhiều.
- Câu 64:** Ảnh hưởng của vị trí địa lí và hình dáng lãnh thổ đến đặc điểm sông ngòi nước ta là
A. phần lớn sông nhỏ, nhiều nước, chế độ nước theo mùa.
B. có độ dốc lớn, thủy chế theo mùa, diễn biến thất thường.
C. ngắn dốc, chủ yếu hướng tây bắc - đông nam và vòng cung.
D. nhiều nước, giàu phù sa, chế độ nước thay đổi theo mùa.
- Câu 65:** Vùng núi Tây Bắc có độ cao địa hình lớn hơn vùng núi Đông Bắc chủ yếu do tác động của
A. quá trình ngoại lực xâm thực mạnh, hướng địa hình, tác động của nội lực.
B. ngoại lực bào mòn mạnh, các mảng nền cổ, vận động kiến tạo hạ thấp yếu.
C. cao nguyên đá đồ sộ, vận động nâng lên mạnh, cường độ phong hoá mạnh.
D. vị trí địa lí, cường độ nâng trong vận động Tân kiến tạo, các mảng nền cổ.
- Câu 66:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, cho biết lát cắt địa hình A-B ở miền Nam Trung Bộ và Nam bộ chạy theo hướng nào sau đây?

- A. Tây – tây bắc. B. Đông – đông nam.
C. Tây nam - đông bắc. D. Tây bắc - đông nam.
- Câu 67:** Phát biểu nào sau đây đúng với ảnh hưởng của biển Đông đến thiên nhiên nước ta?
A. Hình thành vành đai ôn đới gió mùa. B. Tạo ra nhiều dạng địa hình mài mòn.
C. Bồi đắp nên các đồng bằng châu thổ. D. Làm cho khí hậu mang tính lục địa.
- Câu 68:** Ở ven bờ biển nước ta, độ muối của nước biển thay đổi theo mùa chủ yếu do
A. Chế độ mưa phân hoá, hoạt động của các hải lưu.
B. Thay đổi địa hình ven bờ và mạng lưới sông ngòi.
C. Thềm lục địa thay đổi độ sâu và gió mùa hoạt động.
D. Chế độ nước sông và hoạt động của các khối khí.
- Câu 69:** Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ có biên độ nhiệt độ năm lớn chủ yếu do tác động của
A. thời gian Mặt Trời lên thiên đỉnh, gió, vị trí gần vùng ngoại chí tuyến.
B. gió tây nam, Tín phong bán cầu Bắc, thời gian Mặt Trời lên thiên đỉnh.
C. địa hình có các núi thấp, gió mùa, thời gian Mặt Trời lên thiên đỉnh.
D. vị trí xa xích đạo, thời gian Mặt Trời lên thiên đỉnh, địa hình đa dạng.
- Câu 70:** Vùng đồi núi phía Bắc nước ta có một mùa ít mưa chủ yếu do tác động của
A. Tín phong bán cầu Bắc, gió mùa Đông Bắc, hoạt động của frông.
B. Tín phong bán cầu Bắc, dải hội tụ nhiệt đới, vị trí gần chí tuyến Bắc.
C. gió mùa Đông Bắc, hoạt động của frông, các dãy núi cao chắn gió.
D. gió Tây khô nóng, gió mùa Đông Bắc lạnh khô, hoạt động dải hội tụ.
- Câu 71:** Nguyên nhân chủ yếu gây khô hạn kéo dài ở Lục Ngạn (Bắc Giang) là do
A. nhận được lượng bức xạ mặt trời lớn. B. địa hình thung lũng khuất gió.
C. tác động mạnh của Tín Phong. D. tác động của gió phơn tây nam.
- Câu 72:** Thời tiết khô nóng gay gắt ở Bắc Trung Bộ vào đầu mùa hạ chủ yếu do tác động kết hợp của những yếu tố
A. gió, địa hình, đặc điểm bề mặt đệm. B. hướng nghiêng địa hình, gió mùa, biển.
C. gió và hướng núi, ảnh hưởng của biển. D. hình dạng lãnh thổ, gió, hướng núi.
- Câu 73:** Sinh vật cận nhiệt và ôn đới ở phần lãnh thổ phía Bắc đa dạng hơn phần lãnh thổ phía Nam nước ta chủ yếu do
A. nằm ở vùng nội chí tuyến, gió mùa Tây Nam, hướng và độ cao địa hình.
B. vị trí ở xa xích đạo, gió Tín phong bán cầu Bắc, tiếp giáp Biển Đông.
C. vị trí nằm gần chí tuyến Bắc, gió mùa Đông Bắc, có đầy đủ ba đai cao.
D. nằm ở gần vùng ngoại chí tuyến, gió hướng tây nam, lãnh thổ rộng lớn.
- Câu 74:** Biện pháp có ý nghĩa hàng đầu để bảo vệ sự đa dạng sinh học của nước ta là
A. duy trì, phát triển diện tích và chất lượng rừng.
B. thực hiện dự án trồng một tỉ cây xanh theo kế hoạch.
C. giao đất, giao rừng cho người dân tránh tình trạng du canh du cư.
D. xây dựng hệ thống vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên.
- Câu 75:** Cho bảng số liệu:

**TỔNG SỐ DÂN, SỐ DÂN THÀNH THỊ CỦA IN-ĐÔ-NÊ-XI-A VÀ THÁI LAN
NĂM 2000 VÀ NĂM 2020**

(Đơn vị: Triệu người)

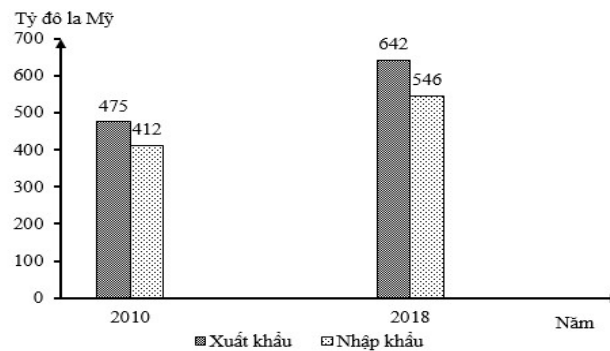
Năm	In-đô-nê-xi-a		Thái Lan	
	Tổng số dân	Số dân thành thị	Tổng số dân	Số dân thành thị
2000	211,5	88,6	62,9	19,8
2020	273,5	154,2	69,8	35,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về tỉ lệ dân thành thị của In-đô-nê-xi-a và Thái Lan?

- A. Thái Lan thấp hơn và tăng nhanh hơn. B. In-đô-nê-xi-a thấp hơn và tăng nhanh hơn.
C. In-đô-nê-xi-a và Thái Lan đều giảm. D. Thái Lan thấp hơn và tăng chậm hơn.

Câu 76: Cho biểu đồ:



QUY MÔ GIÁ TRỊ XUẤT, NHẬP KHẨU CỦA XIN-GA-PO NĂM 2010 VÀ 2018

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

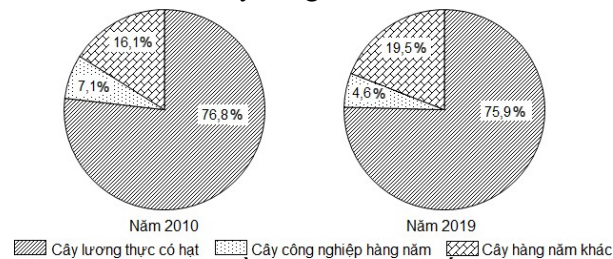
Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về giá trị xuất, nhập khẩu của Xin-ga-po?

- A. Tỷ trọng xuất khẩu năm 2018 là 56,0%. B. Xuất khẩu tăng chậm hơn nhập khẩu.
C. Năm 2010 xuất siêu, 2018 thì nhập siêu. D. Nhập khẩu tăng ít hơn xuất khẩu.

Câu 77: Tài nguyên đất ở vùng đồi núi nước ta dễ bị suy thoái là do:

- A. mưa theo mùa, địa hình đồi thấp, lớp vỏ phong hóa dày.
B. lớp phủ thực vật mỏng, mùa khô kéo dài, nhiệt độ cao.
C. địa hình dốc, mưa lớn tập trung, mất lớp phủ thực vật.
D. canh tác không hợp lý, địa hình núi cao, lượng mưa ít.

Câu 78: Cho biểu đồ về diện tích các loại cây hàng năm của nước ta năm 2010 và năm 2019



(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Chuyển dịch và tốc độ tăng cơ cấu diện tích. B. Cơ cấu và sự thay đổi cơ cấu diện tích.
C. Quy mô và tốc độ tăng cơ cấu diện tích. D. Sự tăng trưởng và thay đổi quy mô diện tích.

Câu 79: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết cặp biểu đồ khí hậu nào dưới đây thể hiện sự đối lập nhau về mùa mưa – mùa khô?

- A. Biểu đồ khí hậu Đà Lạt với biểu đồ khí hậu Tp. Hồ Chí Minh.
B. Biểu đồ khí hậu Đà Lạt với biểu đồ khí hậu Nha Trang.
C. Biểu đồ khí hậu Hà Nội với biểu đồ khí hậu Tp. Hồ Chí Minh.
D. Biểu đồ khí hậu Đồng Hới với biểu đồ khí hậu Đà Nẵng.

Câu 80: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Thực vật và động vật, cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng về thực vật, động vật ở nước ta?

- A. Thảm thực vật rừng kín thường xanh phân bố chủ yếu ở vùng đồi núi.
B. Vườn quốc gia và khu dự trữ sinh quyển Cát Tiên thuộc tỉnh Đồng Nai.
C. Vườn quốc gia Hoàng Liên thuộc phân khu địa lí động vật Đông Bắc.
D. Bái Tử Long, Côn Đảo, Phú Quốc là các vườn quốc gia nằm trên đảo.

----- HẾT -----

Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do NXBGD Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.